

THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC NĂNG LỰC CẢM XÚC XÃ HỘI SEL CỦA GIÁO VIÊN VÀO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Văn Sơn¹
Nguyễn Thị Tứ¹

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu thực trạng ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL (Social and Emotional Learning) vào hoạt động giáo dục ở bậc Trung học cơ sở cho thấy chỉ đạt mức trung bình, ảnh hưởng đáng kể đến thực trạng năng lực SEL của học sinh Trung học cơ sở. Vì vậy, đội ngũ giáo viên Trung học cơ sở cần được tạo điều kiện để tiếp cận, nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL vào hoạt động giáo dục ở trường Trung học cơ sở.

Từ khóa: *Thực trạng, ứng dụng mô hình SEL, giáo viên, hoạt động giáo dục, trung học cơ sở*

1. Đặt vấn đề

Hoạt động giáo dục là điều kiện quan trọng để hình thành thái độ, rèn luyện hành vi, kỹ năng xã hội cho học sinh. Nói cách khác, hoạt động giáo dục có vị trí rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ dạy người ở nhà trường hiện nay. Theo Rahul Rathore, quyền giáo dục là một quyền cơ bản, trẻ em đến mười bốn tuổi phải đi học và không nên đi làm, sử dụng lao động trẻ em là một hành vi phạm pháp (Rahul Rathore, 2018) [1]. Theo tác giả Rishav Mohta, một người có tri thức có khả năng phân biệt giữa đúng và sai, thiện và ác. Đó là trách nhiệm hàng đầu của xã hội để giáo dục công dân một cách hiệu quả (Spilt, J. L., Koomen, H. M., & Thijs, J. T., 2011) [2].

Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, đặc biệt là ở bậc Trung học cơ sở (THCS) chưa đạt được hiệu quả như mong đợi. Theo báo cáo của Ban chỉ đạo Đề án “Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên” của Bộ Công

an, trong vòng 6 năm (2007 - 2013), cả nước đã xảy ra 63.600 vụ án hình sự do trẻ vị thành niên gây ra, với 94.300 đối tượng là trẻ phạm tội, tăng gần 4.300 vụ án so với 6 năm trước đó, số tội phạm vị thành niên càng trẻ hóa. Trong tổng số 94.300 tội phạm vị thành niên nói trên, số trẻ dưới 14 tuổi phạm tội chiếm tới 13%, trẻ từ 14 đến 16 tuổi phạm tội chiếm tới 34,7%. Thống kê trên cũng cho biết thêm, có đến trên 70% số đối tượng trong tổng số 94.300 đối tượng vị thành niên phạm tội là ở các thành phố, thị xã, còn ở nông thôn chỉ chiếm 24% [3].

Thực trạng trên đòi hỏi các nhà nghiên cứu, các nhà giáo dục phải nỗ lực hơn nữa trong việc tìm tòi những biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục, nhằm bồi dưỡng đạo đức, lối sống, kỹ năng cho học sinh nói chung và học sinh THCS nói riêng. Mô hình SEL khẳng định tính hiệu quả khi áp dụng vào môi trường học đường, SEL giúp người học học cách nhận biết và quản lý cảm xúc của mình, quan tâm đến người khác, ra quyết định đúng đắn,

¹Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
Email: sonhuynhts@gmail.com

cur xử một cách có đạo đức và trách nhiệm, phát triển những mối quan hệ tích cực, và tránh những hành vi tiêu cực (Goleman, D., 1995) [4].

SEL của học sinh THCS không thể tự nhiên phát triển. Một trong những nhân tố tác động có ảnh hưởng quan trọng đến học sinh THCS đó là giáo viên. Vậy thực trạng ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL của giáo viên vào hoạt động giáo dục ở bậc THCS địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như thế nào. Câu hỏi này cần được giải quyết.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Khách thể nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Thực trạng ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL của giáo viên vào hoạt động giáo dục ở bậc THCS được phân tích trên bình diện chung có nhấn mạnh vào việc ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL của giáo viên vào hoạt động giáo dục kỹ năng sống dành cho học sinh THCS như một trong những nội dung có liên quan đến vấn đề tìm ra nguyên nhân của thực trạng năng lực cảm xúc xã hội SEL của học sinh THCS đã phân tích ở trên.

Để có thể đánh giá thực trạng ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL của giáo viên vào hoạt động giáo dục ở bậc THCS, chúng tôi lựa chọn giáo viên THCS tham gia nghiên cứu dựa trên phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 140 giáo viên đồng thuận tham gia nghiên cứu về thực trạng năng lực giáo dục cảm xúc và xã hội (SEL) của học sinh THCS ở Việt Nam. Giáo viên THCS tham gia cuộc điều tra gồm 77 giáo viên nam chiếm

55% và 45% là giáo viên nữ - 63 khách thể; độ tuổi chia thành các nhóm gồm: từ 20 đến 30 tuổi chiếm 43%, từ 31 đến 40 tuổi chiếm 28,3%, từ 41 đến 50 tuổi chiếm 26,4%, từ 51 đến 60 tuổi chiếm 2,3%. Về thâm niên, số năm kinh nghiệm dạy học ở trường THCS chia thành các nhóm: từ 1 đến 3 năm chiếm 53,6%, từ 4 đến 5 năm chiếm 20,7%, từ 6 đến 8 năm chiếm 21,3%, từ 9 năm đến 12 năm chiếm 4,4%. Trong đó, 15,7% giáo viên có trình độ cao đẳng, 84,3% giáo viên có trình độ đại học trở lên. Để đảm bảo khách thể tham gia đến từ các bối cảnh khác nhau không có sự khác biệt đáng kể về ý nghĩa ở biến nghiên cứu chính, tiến hành thực hiện so sánh giữa các trường khác nhau. Những so sánh này cho thấy không có sự khác biệt đáng kể giữa các khách thể tham gia nghiên cứu vì thế nhóm mẫu có thể mang tính nhất quán.

Dữ liệu được thu thập tại các trường THCS tại thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: trường THCS Phan Sào Nam, trường THCS Hai Bà Trưng, trường THCS Đồng Khởi và trường THCS Kiến Thiết. Để thu được số liệu khách quan, nhóm nghiên cứu tiến hành giới thiệu cho khách thể khảo sát về mục đích nghiên cứu là đánh giá thực trạng thực trạng năng lực SEL của học sinh THCS ở Việt Nam và sự tham gia này là tự nguyện và ẩn danh. Có 170 phiếu khảo sát được phát ra và 140 phiếu được trả lời đầy đủ và gửi lại cho nhóm nghiên cứu, với tỷ lệ từ chối là 0,0%, tỷ lệ phiếu trả lời chưa đạt là 16,7% và tỷ lệ phiếu đạt yêu cầu là 83,3%. Thời gian hoàn thành bảng hỏi trung bình 15 phút.

2.2. Kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cũng nhằm mục tiêu củng cố những kết quả nghiên cứu trước đây về năng lực SEL của giáo viên rằng những giáo viên có năng lực SEL có thể cung cấp nền tảng cần thiết và định hướng giúp họ hình thành các mối quan hệ gắn kết và hỗ trợ với học sinh nhằm quản lý hiệu quả lớp học và triển khai thành công hoạt động học tập năng lực SEL cho học sinh (Jennings, 2011 [5]; Jennings & Greenberg, 2009 [6]). Những mối quan hệ này là nền tảng cho sự phát triển cân bằng và tích

cực của học sinh trong trường học và liên quan chặt chẽ với thành tích học tập của học sinh, thành tích hoạt động xã hội, động cơ học tập của học sinh, và những hành vi có vấn đề, bỏ học của học sinh (Spilt, Koomen, & Thijs, 2011 [2]; Baker, Grant, & Morlock, 2008 [7]; Bernstein-Yamashiro & Noam, 2013 [8]; Murray & Zvoch, 2011 [9]). Trên cơ sở này, kết quả tự đánh giá về việc ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL vào hoạt động giáo dục ở THCS được khai thác đầu tiên ở Việt Nam.

Bảng 1: Tự đánh giá về việc ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL vào hoạt động giáo dục ở THCS

| TT | Mức độ | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|----|------------------|----------|-----------|
| 1 | Chưa bao giờ | 15 | 10,71 |
| 2 | Hiếm khi | 27 | 19,28 |
| 3 | Thỉnh thoảng | 68 | 48,57 |
| 4 | Thường xuyên | 22 | 15,71 |
| 5 | Rất thường xuyên | 8 | 5,73 |

Nghiên cứu gần đây của nhóm tác giả Buchanan và cộng sự (2009) khảo sát trên 263 giáo viên đến từ hai bang Oregon và Illinois có diện tích lần lượt lớn thứ 9 và thứ 25 trên 50 bang của Hoa Kỳ, trong đó 51,1% là giáo viên tiểu học, 37,9% là giáo viên THCS và 11% là không rõ khối hay bậc đang công tác, kết quả cho thấy gần như tất cả giáo viên thừa nhận năng lực SEL quan trọng trong trường học lẫn cuộc sống, tỷ lệ 98,9% (Buchanan, R., Gueldner, B. A., Tran, O. K., & Merrell, K. W., 2009) [10]. Trong khi đó, kết quả bảng 1 cho thấy có đến 48,57% khách thể nghiên cứu thỉnh thoảng ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL vào hoạt động giáo dục ở THCS và có đến 19,28% khách thể hiếm khi ứng dụng mô hình

này vào hoạt động giáo dục. Kết quả này phản ánh tình hình ứng dụng giáo dục năng lực SEL ở Hoa Kỳ và Việt Nam một cách khá cụ thể khi đặt trong mối quan hệ so sánh. Ở Việt Nam, giáo dục năng lực SEL mặc dù đã được lồng ghép vào chương trình giáo dục mầm non, nhưng ở trường tiểu học, THCS thì học sinh “phải” học năng lực SEL thông qua các tình huống có vấn đề chứ không tách bạch rõ ràng (Hoàng Mai Khanh; Vũ Quang Tuyên, 2016) [11]. Do đó, việc giáo viên tham gia đề tài này chưa ý thức về tầm quan trọng và ứng dụng giáo dục năng lực SEL không chỉ đến từ việc bản thân những giáo viên này chưa hiểu rõ về năng lực SEL cũng như cơ hội để triển khai giáo dục SEL ở Việt Nam chưa được phổ biến hay nói khác chưa được tiến hành một cách tập trung,

đúng định hướng. Đây có thể là điểm cần suy ngẫm nhưng chưa thể kết luận là nguyên nhân này là do chính bản thân chủ thể chủ động: giáo viên.

Bảng 2: Nhận thức của giáo viên THCS về mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL

| TT | NĂNG LỰC SEL | MỨC ĐỘ | | | | | | | | | | ĐTB |
|----|--|--------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
| | | Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | | Mức 4 | | Mức 5 | | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | |
| 1 | Người có năng lực SEL nghĩa là không chỉ có kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân mà còn nhận thức và quản lý mối quan hệ với người khác | 4 | 2,86 | 6 | 4,29 | 76 | 54,29 | 20 | 14,29 | 34 | 24,27 | 3,51 |
| 2 | Việc ứng dụng mô hình SEL sẽ cần rất nhiều thời gian | 7 | 5,00 | 10 | 7,14 | 75 | 53,57 | 19 | 13,57 | 29 | 20,71 | 3,33 |
| 3 | Những năng lực cảm xúc - xã hội sẽ giúp học sinh đối mặt với những thách thức trong tương lai | 5 | 3,57 | 12 | 8,57 | 80 | 57,14 | 22 | 15,71 | 21 | 15,00 | 3,32 |
| 4 | Mô hình SEL bao gồm 5 nhóm năng lực chính: tự nhận thức bản thân, nhận thức người khác, làm chủ mối quan hệ, làm chủ các mối quan hệ và ra quyết định có trách nhiệm | 4 | 2,86 | 17 | 12,14 | 68 | 48,57 | 35 | 25,00 | 20 | 14,29 | 3,41 |
| 5 | Giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội chính là giáo dục các kỹ năng để người học có thể kiểm soát bản thân, hành xử tích cực với người khác và đưa ra những quyết định có trách nhiệm | 3 | 2,14 | 9 | 6,43 | 65 | 46,43 | 38 | 27,14 | 25 | 17,86 | 3,5 |

Tác giả Elias (2009) cho rằng để trở thành một giáo viên có năng lực SEL có nghĩa là họ không chỉ có kỹ năng mà còn nhận thức và quản lý bản thân;

nhận thức và quản lý mối quan hệ với người khác. Tác giả tin rằng nếu giáo viên cảm thấy tự tin với các kỹ năng liên quan đến cảm xúc sẽ nhận ra và hiểu được tốt hơn cảm xúc của học sinh và vai trò của họ đối với hành vi của học sinh (Elias, 2009) [12]. Hơn nữa, giáo viên này có thể có hiểu được một cách tích cực hơn đối với sự cần thiết, niềm tin và sự tôn trọng của học sinh (Jennings & Greenberg, 2009) [6]. Số liệu tìm được ở bảng 2 cho thấy, nhận thức “Người có năng lực SEL nghĩa là không chỉ có kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân mà còn nhận thức và quản lý mối quan hệ với người khác” đứng vị trí thứ 1 với ĐTB=3,51. Đứng vị trí thứ 2 “Giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội chính là giáo dục các kỹ năng để người học có thể kiểm soát bản thân, hành xử tích cực với người khác và đưa ra những quyết định có trách nhiệm” với ĐTB=3,5. Đứng vị trí thứ 3 “Mô hình SEL bao gồm 5 nhóm năng lực chính:

tự nhận thức bản thân, nhận thức người khác, làm chủ mối quan hệ, làm chủ các mối quan hệ và ra quyết định có trách nhiệm” với ĐTB tìm được là 3,41. Đứng vị trí thứ 4 “Việc ứng dụng mô hình SEL sẽ cần rất nhiều thời gian” với ĐTB là 3,33. Đứng vị trí cuối cùng “Những năng lực cảm xúc - xã hội sẽ giúp học sinh đối mặt với những thách thức trong tương lai” với ĐTB là 3,32. Kết quả trên cho thấy giáo viên nhận thức về SEL ở mức độ trung bình. Đây là một tín hiệu cần quan tâm để tăng cường những khóa tập huấn chuyên môn về SEL để cung cấp cho đội ngũ giáo viên nền tảng kiến thức khoa học và cách ứng dụng SEL vào hoạt động giáo dục một cách hiệu quả hơn. Tuy nhiên, việc ứng dụng SEL chắc chắn gặp những khó khăn nhất định. Kết quả khảo sát này rất quan trọng để từ đó xác lập các cơ sở đề xuất cho công tác bồi dưỡng, đào tạo tích hợp... về SEL cho đội ngũ.

Bảng 3: Những khó khăn ảnh hưởng đến thực trạng việc ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL vào hoạt động giáo dục ở trường THCS

| TT | KHÓ KHĂN | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|----|---|----------|-----------|
| 1 | Thời gian không có | 108 | 77,14 |
| 2 | Áp lực thành tích học văn hóa | 66 | 47,14 |
| 3 | Hiểu biết và kỹ năng của bản thân không đủ | 82 | 58,57 |
| 4 | Chương trình học không có thể co giãn | 56 | 40,00 |
| 5 | Quan điểm của Ban Giám hiệu về nội dung chương trình rất cứng | 89 | 63,57 |
| 6 | Khó lựa chọn hoạt động giáo dục cụ thể | 75 | 53,57 |
| 7 | Điều kiện cơ sở vật chất hạn chế | 69 | 49,29 |

Kết quả bảng 3 cho thấy trong các khó khăn nêu ra, lý do “Thời gian không có” xếp thứ nhất với sự tán thành từ 77,14% giáo viên THCS là rào cản lớn nhất với tỷ lệ giáo viên chọn mức từ cao trở lên, so với nghiên cứu của Buchanan và cộng sự (2009) [10] chiếm

tỷ lệ 52,3% cho thấy sự khác biệt rất lớn về thời lượng học tập giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Có tới 63,57% hiệu trưởng từ trường mầm non đến trường trung học phổ thông của Hoa Kỳ muốn đưa “chính sách” ứng dụng SEL vào trong trường học là một tiêu chuẩn của tiêu

bang cũng như ở đề tài này là những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp theo, về rào cản ảnh hưởng đến việc ứng dụng năng lực SEL vào hoạt động giáo dục kỹ năng sống đối với học sinh THCS mà giáo viên đánh giá đó là “Quan điểm của Ban Giám hiệu về nội dung chương trình rất cứng” với tỷ lệ 64,57% giáo viên chọn mức cao trở lên. Điều này cho thấy cần phải có sự đổi mới về quan điểm của Ban Giám hiệu để có thể ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL vào hoạt động giáo dục ở trường THCS một cách hiệu quả. Kế tiếp, có đến 58,57% giáo viên cho rằng “Hiểu biết và kỹ năng của bản thân không đủ” đứng vị trí thứ 3, điều này khá chênh lệch cho với nghiên

cứ trước đó của Buchanan và cộng sự (2009) khi chỉ 29,9% giáo viên thừa nhận có năng lực và từng ứng dụng SEL vào trong hoạt động giảng dạy của họ. Dù đây là số liệu nghiên cứu khác ở một quốc gia khác, thực trạng nghề nghiệp và giáo dục khác nhưng cho thấy sự hiểu biết của giáo viên có sự chênh lệch một cách đáng kể. Đứng vị trí thứ 4 và thứ 5 lần lượt là “Khó lựa chọn hoạt động giáo dục cụ thể” và “Điều kiện cơ sở vật chất hạn chế” với tỷ lệ tìm được là 53,57 và 49,29.

Có thể xem xét về thực trạng ứng dụng SEL vào hoạt động giáo dục học sinh THCS qua hoạt động cụ thể mà giáo viên đã thực hiện. Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4: Thứ tự hoạt động giáo dục ở trường THCS có thể ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL

| TT | HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC | THỨ HẠNG | | | | | | | | | |
|----|--|----------|-------|--------|-------|--------|-------|--------|-------|--------|-------|
| | | Hạng 1 | | Hạng 2 | | Hạng 3 | | Hạng 4 | | Hạng 5 | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Giáo dục tích hợp | 89 | 63,57 | 17 | 12,14 | 12 | 8,57 | 9 | 6,43 | 13 | 9,29 |
| 2 | Giáo dục thông qua hoạt động chủ nhiệm | 77 | 55,00 | 20 | 14,29 | 19 | 13,57 | 12 | 8,57 | 12 | 8,57 |
| 3 | Giáo dục kỹ năng sống | 83 | 59,29 | 18 | 12,86 | 21 | 15,00 | 9 | 6,43 | 9 | 6,43 |
| 4 | Giáo dục thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp | 60 | 42,86 | 28 | 20,00 | 19 | 13,57 | 23 | 16,43 | 70 | 50,00 |

Dựa trên số liệu ở bảng 4, hoạt động “Giáo dục tích hợp” được xếp hạng 1 với 63,57% tán thành. Giáo dục tích hợp là một trong những định hướng giáo dục được khuyến khích áp dụng hiện nay ở nhà trường THCS nên sự lựa chọn này của giáo viên THCS cũng là điều dễ lý giải. Kế tiếp, đứng vị trí thứ 2 đó là hoạt động “Giáo dục kỹ năng sống” cho thấy khá rõ tiềm lực của hoạt

động này để có thể giáo dục SEL cho học sinh THCS. Lẽ nhiên, cần có cái nhìn khách quan đó là hiện nay giáo dục tích hợp vẫn bao hàm giáo dục kỹ năng sống trong thực tiễn. Tuy nhiên, từ năm 2017, khi bộ sách *Thực hành kỹ năng sống* của Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiệm thu thì vấn đề giáo dục kỹ năng sống trở nên cụ thể hơn và bài bản hơn minh chứng cho triển vọng áp dụng

phát triển SEL. Số liệu cũng cho thấy “Giáo dục thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp” hoạt động “Giáo dục thông qua hoạt động chủ nhiệm” cũng cho thấy triển vọng của việc ứng dụng SEL vào thực tế. Đây là dữ liệu quan trọng để có thể tiếp tục nghiên cứu nhằm triển

khai ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL trong thực tiễn để phát triển học sinh nói chung và năng lực cảm xúc xã hội SEL nói riêng.

Kết quả ứng dụng SEL vào hoạt động giáo dục học sinh THCS thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5: Các biện pháp ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL vào hoạt động giáo dục ở THCS

| TT | BIỆN PHÁP | MỨC ĐỘ | | | | | | | | | | ĐTB |
|----|---|--------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
| | | Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | | Mức 4 | | Mức 5 | | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | |
| 1 | Giáo dục năng lực SEL cho học sinh qua việc lồng ghép trong các môn học ở trường THCS | 7 | 5,00 | 9 | 6,43 | 73 | 52,14 | 29 | 20,71 | 22 | 15,72 | 3,31 |
| 2 | Thiết kế hệ thống giáo dục các theo mô hình hệ thống giá trị SEL | 4 | 2,86 | 12 | 8,57 | 87 | 62,14 | 21 | 15,00 | 16 | 11,43 | 3,21 |
| 3 | Thiết kế từng chương trình giáo dục chuyên biệt. Mỗi chương trình phản ánh đầy đủ giá trị của mô hình SEL | 8 | 5,71 | 20 | 14,29 | 71 | 50,71 | 28 | 20,00 | 13 | 9,29 | 3,07 |
| 4 | Tích hợp SEL vào trong các hoạt động giáo dục cụ thể ở trường THCS | 5 | 3,57 | 18 | 12,86 | 75 | 53,57 | 24 | 17,14 | 18 | 12,86 | 3,19 |

Kết quả bảng 5 cho thấy, biện pháp ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL vào hoạt động giáo dục ở THCS được chọn nhiều nhất là “Giáo dục năng lực SEL cho học sinh qua việc lồng ghép trong các môn học ở trường THCS” với ĐTB=3,31. Kết quả này cho thấy tầm quan trọng của việc giảng dạy tích hợp, liên môn tại các trường THCS hiện nay. Đứng vị trí thứ 2 là “Thiết kế hệ thống giáo dục các

theo mô hình hệ thống giá trị SEL” với ĐTB=3,21. Đứng vị trí thứ 3 là “Tích hợp SEL vào trong các hoạt động giáo dục cụ thể ở trường THCS” với ĐTB=3,19. Đứng vị trí cuối cùng là “Thiết kế từng chương trình giáo dục chuyên biệt. Mỗi chương trình phản ánh đầy đủ giá trị của mô hình SEL” với ĐTB=3,07. Trong khi đó, Buchanan và cộng sự (2009) chỉ ra rằng phần lớn người trả lời là giáo viên chiếm tỷ lệ

67,4% đã báo cáo rằng một chương trình giáo dục năng lực SEL được thực hiện trong lớp học với hơn một nửa chiếm tỷ lệ 54,5% báo cáo rằng họ đã thực hiện chương trình giáo dục năng lực SEL, trong khi một tỷ lệ nhỏ báo cáo rằng một cá nhân khác đã thực hiện chương trình giáo dục năng lực SEL trong lớp học của họ chiếm tỷ lệ 12,9%. Đây là những dữ liệu có thể nhìn nhận, so sánh để tiếp tục điều chỉnh trong thực tế biện pháp ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL vào hoạt động giáo dục ở THCS.

Về quy trình ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội SEL vào hoạt động giáo dục học sinh THCS, có đến 125 giáo viên ứng với 89,28% tán thành với quy trình sau:

- Phân tích các năng lực cụ thể trong SEL - Tiếp cận chương trình giáo dục - Xác định phương thức, nội dung tích hợp - Cụ thể hóa yêu cầu ứng dụng trong chương trình giáo dục;

- Cụ thể hóa yêu cầu ứng dụng trong chương trình giáo dục - Phân tích các năng lực cụ thể trong SEL - Tiếp cận chương trình giáo dục - Xác định phương thức, nội dung tích hợp;

- Tiếp cận chương trình giáo dục - Xác định phương thức, nội dung tích

hợp - Cụ thể hóa yêu cầu ứng dụng trong chương trình giáo dục - Phân tích các năng lực cụ thể trong SEL;

- Tiếp cận chương trình giáo dục - Xác định phương thức, nội dung tích hợp - Phân tích các năng lực cụ thể trong SEL - Cụ thể hóa yêu cầu ứng dụng trong chương trình giáo dục.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên THCS chưa quan tâm đến SEL và vấn đề ứng dụng SEL để giáo dục học sinh THCS nói chung và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THCS nói riêng. Từ đó, thực trạng ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL vào hoạt động giáo dục ở THCS chỉ ở mức trung bình. Điều này cho thấy đội ngũ giáo viên THCS cần được tạo điều kiện để tiếp cận, nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL vào hoạt động giáo dục ở trường. Bên cạnh đó, cần có những chính sách hỗ trợ về thời gian, chương trình... để giáo viên có thể thực hiện việc ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc xã hội SEL cho học sinh THCS trong các hoạt động giáo dục cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Rahul Rathore (2018), <https://www.quora.com/How-important-is-education-2>, (1/1/2019)
2. Spilt, J. L., Koomen, H. M., & Thijs, J. T. (2011), *Teacher wellbeing: The importance of teacher–student relationships*. *Educational Psychology Review*, 23(4), 457-477
3. Trung Phương, “Tội phạm vị thành niên những con số đáng lo ngại”, <http://congly.vn/an-ninh-hinh-su/toi-pham-vi-thanh-nien-nhung-con-so-dang-lo-ngai-42931.html>, (2/1/2019)
4. Goleman, D. (1995), *Emotional Intelligence*, New York: Bantam Dell, P.51

5. Jennings, P. A. (2011), *Promoting teachers' social and emotional competencies to support performance and reduce burnout. Breaking the mold of pre-service and inservice teacher education: Innovative and successful practices for the 21st century*, Page: 133-143
6. Jennings, P. A., & Greenberg, M. T. (2009), *The prosocial classroom: Teacher social and emotional competence in relation to student and classroom outcomes*, Review of educational research, 79(1), 491-525
7. Baker, J. A., Grant, S., & Morlock, L. (2008), *The teacher-student relationship as a developmental context for children with internalizing or externalizing behavior problems*, School psychology quarterly, 23(1), 3
8. Bernstein-Yamashiro, B., & Noam, G. G. (2013), *Teacher-student relationships: A growing field of study*, New Directions for Student Leadership, 2013(137), 15-26
9. Murray, C., & Zvoch, K. (2011), *Teacher-student relationships among behaviorally at-risk African American youth from low-income backgrounds: student perceptions, teacher perceptions, and socioemotional adjustment correlates*, Journal of Emotional and Behavioral Disorders, 19(1), 41-54
10. Buchanan, R., Gueldner, B. A., Tran, O. K., & Merrell, K. W. (2009), *Social and emotional learning in classrooms: A survey of teachers' knowledge, perceptions, and practices*, Journal of Applied School Psychology, 25(2), 187-203
11. Hoàng Mai Khanh, Vũ Quang Tuyên (2016), *Teaching Social and Emotional Skills to Students in Vietnam: Challenges and Opportunities*, AsTEN Journal of Teacher Education, 1(1), 1-8
12. Elias, M. J. (2009), *Social-emotional and character development and academics as a dual focus of educational policy*, Educational Policy, 23(6), 831-846

**THE SITUATION OF APPLYING THE SOCIAL-EMOTIONAL
LEARNING MODEL (SEL) OF THE TEACHERS TO EDUCATIONAL
ACTIVITIES IN SECONDARY SCHOOL IN HO CHI MINH CITY**

ABSTRACT

The study results of the situation of applying the social-emotional learning model (SEL) to educational activities in secondary schools showed that it was only average, significantly affecting the situation of SEL capacity of secondary school students. Therefore, secondary teachers should be facilitated to access, study, learn and apply the SEL model to educational activities in secondary schools.

Keywords: *Situation, SEL model application, educational activities, secondary school*

(Received: 18/2/2018, Revised: 1/3/2019, Accepted for publication: 19/3/2019)